

Số: 43/NQ-HĐND

Phước Long, ngày 23 tháng 12 năm 2021

NGHỊ QUYẾT
Về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2022

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THỊ XÃ PHƯỚC LONG
KHÓA IV KỲ HỌP THỨ HAI

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị quyết số 37/NQ-HĐND ngày 07/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2022;

Xét đề nghị của Ủy ban nhân dân thị xã tại Tờ trình số 164/TTr-UBND ngày 06/12/2021; Báo cáo thẩm tra số 37/BC-HĐND-KTXH ngày 21/12/2021 của Ban Kinh tế - Xã hội và ý kiến của các vị đại biểu Hội đồng nhân dân thị xã tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thống nhất đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ năm 2021 và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2022 với các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ và giải pháp nêu trong báo cáo của Ủy ban nhân dân thị xã. Trong đó, nhấn mạnh một số nội dung chủ yếu như sau:

1. Đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ năm 2021

Năm 2021, dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp trực tiếp tác động bất lợi đến tình hình phát triển kinh tế xã hội trên địa bàn thị xã, một số cơ sở sản xuất tạm ngừng hoạt động, sản xuất luân phiên, giảm thời gian hoạt động do giãn cách xã hội, hoạt động của ngành thương mại, dịch vụ giảm sút, các dịch vụ tiện lợi, cửa hàng ăn uống, giải trí phải ngưng hoạt động trong thời gian dài, thu nhập người dân bị ảnh hưởng, đời sống một số bộ phận nhân dân chịu ảnh hưởng nặng nề. Tuy ảnh hưởng của dịch Covid-19 nhưng nhờ dư địa năm 2020 nên các chỉ tiêu có tăng trưởng nhất định. Tốc độ phát triển KTXH của thị xã cơ bản đạt tiến độ kế hoạch đề ra. Công tác đầu tư phát triển được triển khai thực hiện có hiệu quả, bước đầu triển khai thực hiện chương trình phát triển hạ tầng và mở rộng không gian đô thị thị xã giai đoạn 2020-2025, quy hoạch đầu tư hạ tầng cơ sở, chỉnh trang đô thị đặc biệt được quan tâm đầu tư. Kết quả thực hiện thu ngân sách cơ bản đạt theo tiến độ dự toán giao; công tác quản lý điều hành chi ngân sách thực hiện theo kịch bản điều hành KTXH năm 2021 và chủ trương của cấp trên. Lĩnh vực văn hóa, xã hội, quốc phòng an ninh được đảm bảo. Công tác phối hợp với các ngành thực hiện tốt, đặc biệt là trong công tác phòng, chống dịch. Các cấp, các ngành nỗ lực trong công tác phòng, chống



dịch Covid-19, cùng với sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị, sự tham gia hỗ trợ tích cực của UBMTTQ Việt Nam thị xã và các đoàn thể, lực lượng xung kích tình nguyện; các doanh nghiệp và tổ chức, cá nhân hỗ trợ kinh phí, trang thiết bị... trong công tác phòng chống dịch Covid-19.

*** Khó khăn, hạn chế**

Do diễn biến dịch bệnh Covid-19 ngày càng phức tạp trực tiếp tác động bất lợi đến tình hình phát triển KTXH trên địa bàn thị xã. Hoạt động của ngành thương mại, dịch vụ giảm sút (có 51 cơ sở sản xuất tạm ngừng hoạt động, 363 cơ sở sản xuất không phát sinh doanh thu), đời sống một số bộ phận nhân dân chịu ảnh hưởng của dịch bệnh. Trên các lĩnh vực một số nhiệm vụ thực hiện còn hạn chế như: một số cơ quan, đơn vị, địa phương khi xảy ra dịch Covid-19 trên địa bàn, công tác chỉ đạo triển khai các biện pháp còn lúng túng, chưa linh hoạt, chủ động, tích cực, trách nhiệm chưa cao, một bộ phận người dân có biểu hiện lơ là, chủ quan khi thực hiện nói lỏng các hoạt động; công tác quản lý đất đai, quản lý trật tự đô thị, vệ sinh môi trường chưa tốt; kỷ cương, kỷ luật hành chính chưa nghiêm. Lĩnh vực giáo dục và đào tạo còn gặp khó khăn về biên chế trong việc triển khai thực hiện chương trình giáo dục phổ thông năm 2018 (năm học 2020-2021 biên chế được giao là 722, năm học 2021-2022 biên chế được giao là 690, trong khi đó nhu cầu là 847 biên chế).

Trong năm 2021, có 05 chỉ tiêu KTXH chưa đạt chỉ tiêu Nghị quyết HĐND thị xã là: Tổng vốn đầu tư toàn xã hội; Giá trị sản xuất công nghiệp, xây dựng; Giá trị thương mại dịch vụ; Thu nhập bình quân đầu người; Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế.

*** Nguyên nhân**

- Các chỉ tiêu không đạt chỉ tiêu Nghị quyết: Tổng vốn đầu tư toàn xã hội; Giá trị sản xuất công nghiệp, xây dựng; Thương mại dịch vụ; Thu nhập bình quân đầu người: do ảnh hưởng của dịch Covid-19 một số cơ sở sản xuất tạm ngừng hoạt động, sản xuất luân phiên, giảm thời gian hoạt động do giãn cách xã hội; chuỗi cung ứng hàng hóa bị ảnh hưởng đứt gãy, hàng hóa không xuất khẩu được, giá thành phẩm giảm..., các dịch vụ tiện lợi, của hàng ăn uống, giải trí phải ngưng hoạt động trong thời gian dài, thu nhập của người dân bị ảnh hưởng nặng nề.

- Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế: công tác tuyên truyền, vận động người dân tham gia BHYT chưa được thường xuyên liên tục, nhận thức của một số người dân chưa quan tâm đến quyền lợi của thẻ BHYT, công tác khám chữa bệnh BHYT có lúc, có nơi còn chưa đáp ứng được nhu cầu người dân, một số người dân do hoàn cảnh khó khăn nên chưa tham gia.

- Tỷ lệ trẻ em được tiêm chủng: do tình hình dịch Covid-19, phải thực hiện giãn cách xã hội theo Chỉ thị số 15, 16 nên các buổi tiêm chủng mở rộng tại các xã, phường không tổ chức thực hiện được.

- Công tác quản lý đô thị, vệ sinh môi trường có chuyển biến tích cực, tuy nhiên chưa đáp ứng yêu cầu, nguyên nhân: do ý thức chấp hành của một bộ phận

Nhân dân chưa cao; một số cơ quan quản lý Nhà nước có liên quan, UBND xã, phường chưa quyết liệt, nêu cao trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ.

- Một số ngành chấp hành chỉ đạo của UBND, Chủ tịch UBND thị xã chưa nghiêm, tham mưu còn sai sót, thiếu chặt chẽ, thiếu sự đeo bám ở một số lĩnh vực, do đó làm ảnh hưởng đến tiến độ, kế hoạch đề ra.

- Lĩnh vực giáo dục và đào tạo còn gặp khó khăn về biên chế trong việc triển khai thực hiện chương trình giáo dục phổ thông năm 2018, do nhu cầu biên chế thực tế cần nhiều hơn so với biên chế được tỉnh giao.

2. Về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2022 (có hệ thống chỉ tiêu kèm theo)

a) Mục tiêu tổng quát

Tiếp tục thực hiện có hiệu quả mục tiêu kép vừa phòng, chống dịch bệnh vừa thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế, xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh. Tiếp tục phấn đấu đưa thị xã Phước Long trở thành trung tâm kinh tế, thương mại, dịch vụ của khu vực phía Bắc tỉnh Bình Phước. Khẳng định kinh tế công nghiệp - thương nghiệp - dịch vụ là chủ lực của nền kinh tế, phát triển công nghiệp song song với đẩy mạnh phát triển thương mại - dịch vụ và hài hòa giữa phát triển kinh tế - xã hội và môi trường. Tập trung mọi nguồn lực để đầu tư phát triển, nâng cao chất lượng đầu tư phát triển hạ tầng đô thị đồng bộ. Khai thác tốt các nguồn thu, đảm bảo tăng thu ngân sách và chi ngân sách hợp lý, hiệu quả, tiết kiệm.

Gắn việc phát triển kinh tế với giải quyết tốt các vấn đề xã hội, cụ thể:

- Nâng cao chất lượng hoạt động của các ngành giáo dục, văn hóa thông tin - TDTT, y tế, ..., nâng cao dân trí và đảm bảo đáp ứng đời sống vật chất tinh thần của nhân dân.

- Thực hiện tốt chính sách người có công, công tác giảm nghèo, giải quyết việc làm cho người lao động và các mục tiêu an sinh xã hội, phúc lợi xã hội.

- Giải quyết tốt và hiệu quả các vấn đề xã hội bức xúc; xây dựng và củng cố hệ thống chính trị vững mạnh, giữ vững ổn định chính trị, kỷ cương, trật tự an toàn xã hội. Phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết dân tộc, khai thác tốt nội lực, tranh thủ có hiệu quả ngoại lực để xây dựng và phát triển.

- Chú trọng bảo vệ môi trường, phòng chống thiên tai, dịch bệnh và thích ứng với biến đổi khí hậu.

b) Các chỉ tiêu chủ yếu của năm 2022

(1) Tổng vốn đầu tư toàn xã hội: 2.170 tỷ đồng.

(2) Giá trị sản xuất công nghiệp, xây dựng tăng 21,43%; Giá trị sản xuất nông, lâm nghiệp - thủy sản tăng 2,8%; Thương mại dịch vụ tăng 21,37% trở lên so với năm 2021.

(3) Thu nhập bình quân đầu người đạt 98,2 triệu đồng/người.

(3) Thu nhập bình quân đầu người đạt 98,2 triệu đồng/người.

(4) Thu ngân sách (loại trừ các khoản thu về đất và các khoản thu phát sinh đột biến, phần thu cân đối tăng 11%/năm) 244 tỷ đồng.

(5) Phát triển trên 100 doanh nghiệp, hợp tác xã, cơ sở sản xuất kinh doanh trở lên.

(6) Tỷ lệ dân số nông thôn sử dụng nước hợp vệ sinh đạt trên 99%.

(7) Số bác sỹ/10.000 dân: 9,5 bác sỹ; Số giường bệnh/10.000 dân: 45 giường; Số xã đạt chuẩn quốc gia về y tế là 100%; trẻ em được tiêm chủng 100%; Tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng dưới 5 tuổi còn 4,5%.

(8) Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế 92%.

(9) Tỷ lệ hộ nghèo tiếp cận đa chiều đến cuối năm: 0,266%.

(10) Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia: 13/23 trường đạt chuẩn.

(11) Tỷ lệ khu dân cư văn hóa đạt và giữ vững danh hiệu là 86,5%; Tỷ lệ hộ gia đình đạt “gia đình văn hóa” và giữ vững danh hiệu đạt 96%.

(12) Tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới 100%; Tỷ lệ phường đạt văn minh đô thị 100%; Tỷ lệ cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa 100%.

(13) Giải quyết việc làm cho 3.500 lao động; Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 62%.

(14) Tỷ lệ giải quyết thủ tục hành chính trực tuyến đạt mức 3, 4 là 40%.

(Có hệ thống biểu mẫu kèm theo).

3. Nhiệm vụ, giải pháp

3.1. Kinh tế, sản xuất

- Đẩy nhanh tiến độ và hoàn thành các nhiệm vụ quy hoạch đã được phê duyệt, đặc biệt là Kế hoạch số 314/KH-UBND ngày 03/12/2021 của UBND thị xã về lập và phê duyệt phủ kín các đồ án quy hoạch phân khu và quy hoạch chi tiết đạt từ 50% trở lên diện tích xây dựng đô thị trên địa bàn thị xã Phước Long giai đoạn 2021 - 2023. Mở rộng không gian đô thị ra các tuyến đường vành đai, các xã nông thôn mới. Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo đối với công tác lập quy hoạch, quản lý quy hoạch, quản lý đất đai, xây dựng và chỉnh trang đô thị, tiếp tục thực hiện tốt nghị quyết 10-NQ/TU về tăng cường quản lý đô thị và vệ sinh môi trường, tập trung huy động tối đa các nguồn lực đầu tư phát triển đồng bộ hệ thống hạ tầng kỹ thuật phục vụ phát triển kinh tế-xã hội; trong đó chú trọng xây dựng hệ thống hạ tầng đô thị để phấn đấu đưa thị xã sớm đạt một số tiêu chí đô thị loại III. Phối hợp nhà đầu tư thực hiện xây dựng Khu thương mại – dịch vụ Long Điền; tổ chức lập quy hoạch 1/2000 phường Phước Bình.... Thực hiện các bước để chuẩn bị hình thành các cụm công nghiệp.

- Tạo mọi điều kiện thuận lợi cho tổ chức, doanh nghiệp phát triển sản xuất kinh doanh, nhất là cơ sở hợp tác xã trong ngành nông nghiệp nhằm đưa giá trị sản xuất nông nghiệp, công nghiệp tăng trưởng theo đúng nghị quyết của HĐND thị xã. Tăng cường kiểm tra hoạt động buôn bán hàng hóa, gian lận

thương mại, hàng nhập lậu, hàng không đủ tiêu chuẩn, không niêm yết giá trên địa bàn thị xã.

- Tập trung thực hiện tốt công tác thu, chi ngân sách, phân đầu thu đúng, thu đủ, khai thác hết các nguồn thu; điều hành ngân sách linh hoạt, hiệu quả đảm bảo cân đối ngân sách thực hiện nhiệm vụ trong điều kiện dịch Covid-19 diễn biến phức tạp. Đẩy nhanh tiến độ hoàn chỉnh các thủ tục để tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất đối với các lô đất còn lại của dự án TTHC&KĐTM.

- Tăng cường công tác quản lý Nhà nước về đất đai, đặc biệt là công tác kiểm tra, rà soát cấm mốc quản lý quỹ đất công trên địa bàn thị xã. Thực hiện kịp thời công tác cấp giấy chứng nhận QSDĐ cho các tổ chức và cá nhân đủ điều kiện; giải quyết đơn kiến nghị, khiếu nại tranh chấp đất đai theo đúng quy định.

- Tăng cường công tác theo dõi, chỉ đạo thực hiện tốt công tác phòng chống thiên tai, phòng chống dịch bệnh trên gia súc, gia cầm trên địa bàn.

- Đẩy nhanh tiến độ thi công, giải ngân vốn đầu tư công đối với các công trình XDCB theo đúng kế hoạch đề ra.

3.2. Văn hóa xã hội

- Tổng hợp nhu cầu đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học năm học 2021-2022 và thực hiện chương trình giáo dục phổ thông, trường đạt kiểm định chất lượng – chuẩn quốc gia, đầu tư trang thiết bị tối thiểu cho lớp 2 và lớp 6. Chỉ đạo các trường đảm bảo công tác vệ sinh môi trường, thực hiện các biện pháp phòng chống dịch bệnh Covid-19, duy trì việc đánh giá An toàn Covid trong trường học; thực hiện dạy, học năm học 2021 – 2022 bằng hình thức phù hợp, đảm bảo công tác phòng, chống dịch Covid-19.

- Thực hiện tốt nhiệm vụ quản lý Nhà nước về y tế trên địa bàn; chú trọng công tác đảm bảo an toàn thực phẩm. Tiếp tục theo dõi chỉ đạo của Chính phủ, các Bộ ngành, Tỉnh ủy, UBND tỉnh về công tác phòng, chống dịch bệnh Covid-19 và tình hình dịch trên địa bàn để chỉ đạo triển khai thực hiện kịp thời các giải pháp nhằm kiểm soát dịch bệnh hiệu quả.

- Tiếp tục thực hiện đầy đủ, kịp thời chế độ cho các đối tượng chính sách, bảo trợ xã hội; thực hiện tốt công tác giải quyết việc làm, giảm nghèo theo kế hoạch.

- Thực hiện tốt công tác tuyên truyền, quản lý Nhà nước về văn hóa thông tin trên địa bàn. Xây dựng kế hoạch tổ chức các hoạt động kỷ niệm 47 năm Ngày giải phóng Phước Long (06/01/2022) phù hợp với bối cảnh phòng chống dịch Covid-19.

- Ban hành kế hoạch và triển khai thực hiện chuyển đổi số đến năm 2025, tầm nhìn đến 2030 trên địa bàn thị xã.

3.3. Công tác Nội chính – QPAN

- Tiếp tục triển khai các giải pháp phòng chống tội phạm, tệ nạn xã hội, tăng cường tuần tra kiểm soát đảm bảo trật tự an toàn giao thông. Thực hiện tốt công tác phòng cháy, chữa cháy trên địa bàn.

- Triển khai thực hiện chương trình kế hoạch công tác thanh tra, tư pháp năm 2022, thực hiện tốt công tác tiếp công dân, giải quyết đơn thư khiếu nại tố cáo.

- Thực hiện tốt công tác quản lý cán bộ, công chức, viên chức; kịp thời khen thưởng và nhân rộng điển hình các tập thể, cá nhân có thành tích trong việc thực hiện nhiệm vụ được giao; quản lý tốt hoạt động của các tổ chức tôn giáo và giải quyết các nhu cầu tôn giáo phát sinh đúng quy định của pháp luật.


- Công tác cải cách hành chính: thực hiện tốt công tác cải cách hành chính trên địa bàn; nâng cao chất lượng dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4. Ban hành các quy định, quy chế rà soát, phân tích, cập nhật số liệu cho Trung tâm IOC thị xã; Xây dựng quy trình quy chế vận hành khai thác IOC, tiếp tục điều chỉnh cơ chế hoạt động của phần mềm phù hợp với đặc thù của địa phương, đưa Trung tâm IOC đi vào hoạt động ổn định. Hoàn chỉnh đề án thành lập Trung tâm IOC và xây dựng quy chế hoạt động cụ thể.

- Tập trung tổ chức thi hành án dân sự đúng trình tự, thủ tục, rà soát, phân loại án chính xác về việc, về tiền có điều kiện và chưa có điều kiện thi hành. Tập trung giải quyết đối với các vụ việc có điều kiện thi hành, phấn đấu hoàn thành chỉ tiêu, nhiệm vụ được giao năm 2022.

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân thị xã tổ chức thực hiện; giao Thường trực Hội đồng nhân dân thị xã, hai Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và các vị đại biểu Hội đồng nhân dân thị xã khóa IV giám sát việc thực hiện.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thị xã Phước Long khóa IV, kỳ họp thứ hai thông qua ngày 23 tháng 12 năm 2021 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- TT HĐND, UBND tỉnh;
- ĐB HĐND tỉnh khu vực thị xã;
- TT TU, HĐND, UBND, MTTQ;
- 02 Ban và ĐB.HĐND, TV UBND thị xã;
- Các CQ, BN, ĐT thị xã;
- TT. HĐND, UBND xã, phường;
- LĐVP, CVVP;
- Lưu VT 



CHỦ TỊCH

Lê Thanh Sơn

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Ước thực hiện năm 2021	Kế hoạch năm 2022	Trong đó						
					Phường Long Thủy	Phường Thác Mơ	Phường Sơn Giang	Phường Long Phước	Phường Phước Bình	Xã Long Giang	Xã Phước Tín
	+ Tổng mức bán lẻ hàng hóa	Tỷ đồng	5.880,0	7.345,0							
	+ Doanh thu dịch vụ	Tỷ đồng	883,5	1.296,0							
4,0	Tổng thu ngân sách trên địa bàn	Tỷ đồng	286	243,77	1,07	1,42	0,58	5,25	1,60	0,62	0,73
5,0	Tổng chi ngân sách	Tỷ đồng	498,5	444,62	6,00	5,84	5,48	10,51	6,08	5,29	5,73
6,0	Số xã được công nhận đạt tiêu chí nông thôn mới	Xã	0,0	0,0							

KẾ HOẠCH SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP, CÔNG NGHIỆP VÀ THỦY SẢN NĂM 2022

(Kèm theo Nghị quyết số 43/NQ-HĐND ngày 23/12/2021 của HĐND thị xã Phước Long)

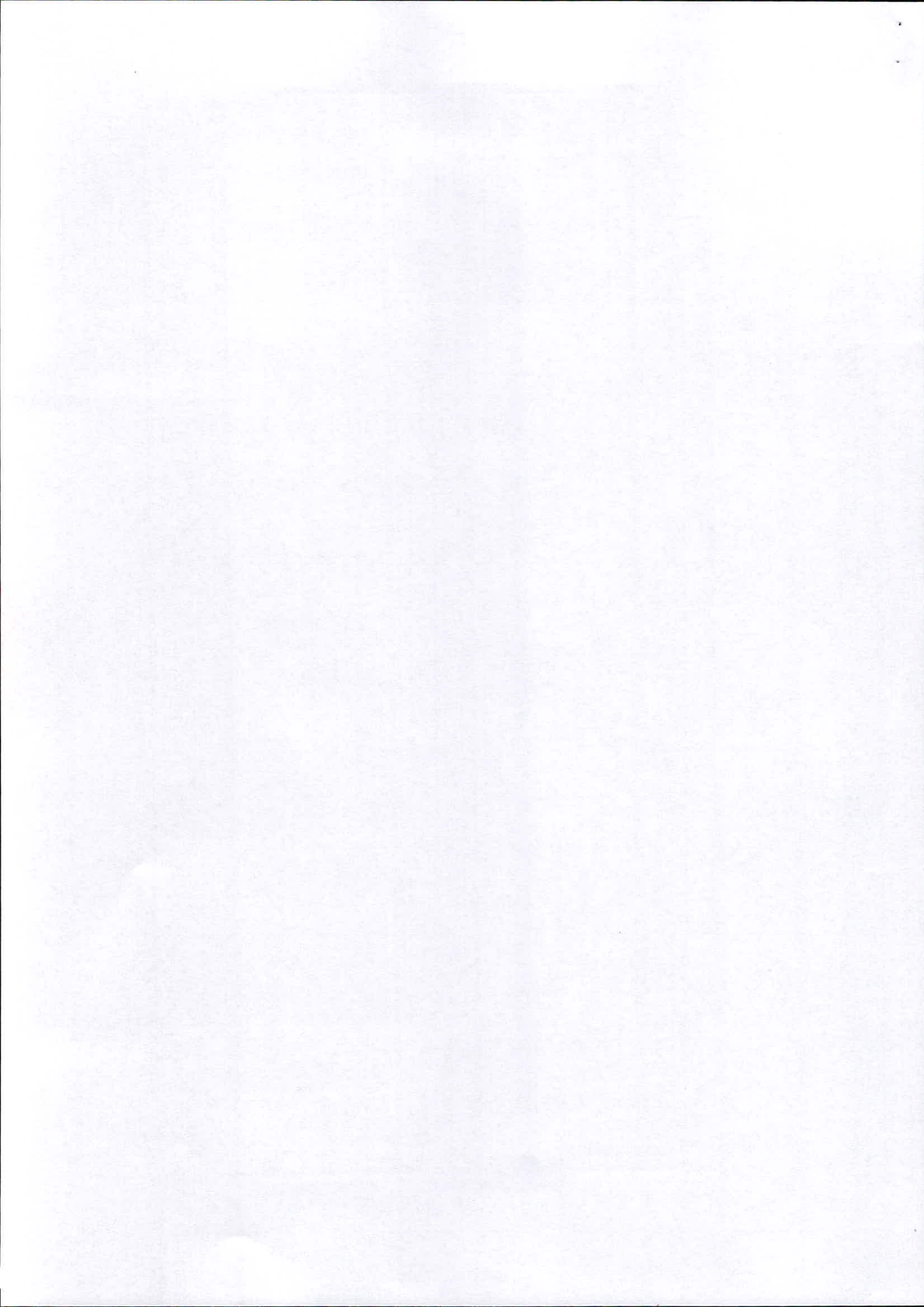
TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Ước thực hiện năm 2021	Kế hoạch năm 2022	Trong đó						
					Phường Long Thủy	Phường Thác Mơ	Phường Sơn Giang	Phường Long Phước	Phường Phước Bình	Xã Long Giang	Xã Phước Tín
A	NÔNG, LÂM NGHIỆP VÀ THỦY SẢN	HA									
1	Tổng giá trị sản xuất (Theo giá so sánh 2010)	Tỷ đồng	807	830							
a)	Nông nghiệp:	Tỷ đồng	801,9	824,8							
	- Trồng trọt	Tỷ đồng	781,2	803,4							
	- Chăn nuôi	Tỷ đồng	18,4	18,9							
b)	Lâm nghiệp:	Tỷ đồng	0,198	0,2							
c)	Thủy sản:	Tỷ đồng	4,9	5,1							
	- Nuôi trồng	Tỷ đồng	2,8	2,9							
	- Khai thác	Tỷ đồng	2,1	2,2							
	- Sản lượng	Tấn	136,2	185,0							
2	Năng suất, sản lượng một số cây trồng chủ yếu										
2,1	Cây hằng năm										
a	Lúa	Ha	101	125,0		6,5	86,0		15,0	10,0	7,5
	Năng suất	Tạ/ha	38,1	39,6		39,6	39,6		39,6	39,6	39,6
	Sản lượng	Tấn	384,4	495		25,7	340,6		59,4	39,6	29,7



TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Ước thực hiện năm 2021	Kế hoạch năm 2022	Trong đó						
					Phường Long Thủy	Phường Thác Mơ	Phường Sơn Giang	Phường Long Phước	Phường Phước Bình	Xã Long Giang	Xã Phước Tín
b	Bấp	Ha	7,0	11			6,0	2,0	1,0	2,0	
	Năng suất	Tạ/ha	42,7	42,9			42,9	42,9	42,9	42,9	
	Sản lượng	Tấn	29,9	47			25,7	8,6	4,3	8,6	
2,2	Cây lâu năm	Ha									
	Cây công nghiệp										
a	Cao su										
	Tổng diện tích	Ha	1.855,7								
	Diện tích trồng mới	Ha	0,5								
	Diện tích cho sản phẩm	Ha	1.824,7	1840	15	187	123,2	222	584,5	318	390,3
	Năng suất	Tạ/ha	18,5	20,5	20,5	20,5	20,5	20,5	20,5	20,5	20,5
	Sản lượng (mủ khô)	Tấn	3.376,8	3772	30,75	383,35	252,56	455,1	1198,225	651,9	800,115
b	Cây điều										
	Tổng diện tích	Ha	5.109,4								
	Diện tích trồng mới	Ha	13,9								
	Diện tích cho sản phẩm	Ha	5.083,5	5095,5	167,5	265	555	570	488	1726	1324
	Năng suất	Tạ/ha	15,1	16	16	16	16	16	16	16	16
	Sản lượng	Tấn	7.689,6	8152,8	268	424	888	912	780,8	2761,6	2118,4
c	Cây tiêu										
	Tổng diện tích	Ha	68,0								
	Diện tích trồng mới	Ha	0,0								
	Diện tích cho sản phẩm	Ha	63,0	68	4	16	6	11	3	4	24

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Ước thực hiện năm 2021	Kế hoạch năm 2022	Trong đó						
					Phường Long Thủy	Phường Thác Mơ	Phường Sơn Giang	Phường Long Phước	Phường Phước Bình	Xã Long Giang	Xã Phước Tín
	Năng suất	Tạ/ha	21,3	21,8	21,8	21,8	21,8	21,8	21,8	21,8	21,8
	Sản lượng	Tấn	134,5	148,1	8,7	34,8	13,1	24,0	6,5	8,7	52,3
d	Cà phê										
	Tổng diện tích	Ha	260,7								
	Diện tích trồng mới	Ha	0,0								
	Diện tích cho sản phẩm	Ha	260,7	260,7	3,2	64	6	25	2	10	150,5
	Năng suất (nhân)	Tạ/ha	18,4	20,0	20,0	20,0	20,0	20,0	20,0	20,0	20,0
	Sản lượng	Tấn	480,2	521,4	6,4	128	12	50	4	20	301
	Cây ăn quả										
a	Sầu riêng										
	Tổng diện tích	Ha	241,0								
	Diện tích trồng mới	Ha	54,0								
	Diện tích cho sản phẩm	Ha	152,0	169	0,3	42	2,4	2	3	5,3	114
	Năng suất	Tạ/ha	172,0	175,0	175	175	175	175	175	175	175
	Sản lượng	Tấn	2.614,2	2.957,5	5,3	735,0	42,0	35,0	52,5	92,8	1.995,0
b	Quýt										
	Tổng diện tích	Ha	8,7								
	Diện tích trồng mới	Ha	0,0								
	Diện tích cho sản phẩm	Ha	5,0	8,7						0,7	8
	Năng suất	Tạ/ha	51,3	52						52	52
	Sản lượng	Tấn	25,7	45,2						3,6	41,6

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Ước thực hiện năm 2021	Kế hoạch năm 2022	Trong đó						
					Phường Long Thủy	Phường Thác Mơ	Phường Sơn Giang	Phường Long Phước	Phường Phước Bình	Xã Long Giang	Xã Phước Tín
	<i>Số hợp tác xã thành lập mới</i>	<i>HTX</i>	3	2							
	<i>Số hợp tác xã giải thể</i>	<i>HTX</i>	0	2							
	<i>Số hợp tác xã đang hoạt động</i>	<i>HTX</i>	8	9							
2	Tổng số thành viên hợp tác xã	Người	3.316	3.316							
3	Tổng số lao động trong hợp tác xã	Người	240	240							
	<i>Trong đó: Số lao động là thành viên hợp tác xã</i>		90	90							
II	Tổ hợp tác			0							
1	Tổng số tổ hợp tác	Tổ hợp tác	8	8							
	Trong đó: Số tổ hợp tác đăng ký chứng thực	Tổ hợp tác	0	0							
2	Tổng số thành viên tổ hợp tác	Thành viên	40	40							



KẾ HOẠCH VĂN HÓA XÃ HỘI, MÔI TRƯỜNG NĂM 2022
(Kèm theo Nghị quyết số 43/NQ-HĐND ngày 23/12/2021 của HĐND thị xã Phước Long)

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện 2021	Kế hoạch năm 2022
1	Dân số			
	- Dân số trung bình	Người	54.812	58.132
	- Tỷ lệ giới tính khi sinh (số bé trai so với 100 bé gái)	Trai/100 gái	104/100	108/100
	- Tuổi thọ trung bình	Tuổi	74	74
2	Lao động việc làm			
	- Tổng số lao động đang làm việc (được giải quyết việc làm mới trong năm)	Người	3.613	3.500
	- Tỷ lệ lao động được đào tạo so với tổng số lao động	%	62,31	62
3	An sinh xã hội			
	- Số hộ nghèo	Hộ	10	57
	- Số hộ thoát khỏi đói nghèo trong năm	Hộ	14	18
	- Tỷ lệ hộ nghèo	%	0,07	0,4
4	Bảo vệ, chăm sóc sức khỏe nhân dân			
	Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế	%	86,1	92
	Số người tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc	Người	3.233	3.262
	Số giường bệnh/ 1 vạn dân (không tính giường của trạm y tế)	Giường	45	45
	Số bác sỹ/ 1 vạn dân	Bác sỹ	9,1	9,1
	Tỷ lệ trạm y tế xã phường có bác sỹ làm việc	%	66,7	100
	Tỷ lệ xã, phường đạt tiêu chí quốc gia về y tế (theo chuẩn mới).	%	100	100
	Tỷ lệ trẻ em dưới 1 tuổi tiêm chủng	%	86,7	100
	Tỷ lệ suy dinh dưỡng của trẻ em dưới 5 tuổi (cân nặng theo tuổi)	%	Còn 4,7	4,5
	Số xã, phường đạt tiêu chuẩn xã, phường phù hợp với trẻ em	Xã, phường	7	7
	Tỷ lệ xã, phường đạt tiêu chuẩn xã, phường phù hợp với trẻ em	%	100	100
5	Giáo dục và đào tạo			

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện 2021	Kế hoạch năm 2022
	- Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia	Trường	6	13
	- Tổng số học sinh đầu năm học	Học sinh		
	+ Mẫu giáo	Học sinh	2.850	2.355
	+ Tiểu học	Học sinh	7.235	7.353
	+ Trung học cơ sở	Học sinh	4.350	4.603
	+ Trung học phổ thông	Học sinh		
	- Tỷ lệ trẻ em trong độ tuổi đi học mẫu giáo	%	75,5	76
	- Tỷ lệ học sinh đi học đúng độ tuổi:	%		
	+ Tiểu học	%	94,3	94,1
	+ Trung học cơ sở	%	94,7	91,6
	+ Trung học phổ thông	%		
6	Khoa học và công nghệ			
	- Số đề tài khoa học công nghệ được ứng dụng	Đề tài	1	1
	- Tỷ lệ đề tài khoa học công nghệ được ứng dụng thành công	%	100	100
7	Văn hóa, thể dục thể thao			
7,1	Tỷ lệ khu dân cư văn hóa	%	86,5	86,5
7,2	Tỷ lệ hộ gia đình văn hóa	%	96	96
7,3	Tỷ lệ cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa	%	100	100
7,4	Hoạt động thể thao quần chúng	%		
	- Số người thường xuyên tập thể dục	%	18.500	18.600
7,5	Thể thao thành tích cao			
	Đào tạo VĐV năng khiếu ban đầu	%	60	60
7,6	Đời sống văn hóa, nghệ thuật	CLB	15	15
8	Thu nhập bình quân đầu người	triệu đồng/ người	89,8	98,2
9	Tỷ lệ giải quyết thủ tục hành chính trực tuyến	%	38,56	40